

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Đường số 3 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính này bao gồm:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------|---------------------------------------------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục | Hà Nội | 100% | 100% | Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP;... |

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 01 năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| ▪ Phần mềm quản lý | 10 năm |

2.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16" Chi phí đi vay".

2.12 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của Kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 226,642,827 | 433,696,825 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7,950,249,514 | 3,677,809,711 |
| Các khoản tương đương tiền | 31,000,000,000 | 58,910,000,000 |
| <i>(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)</i> | | |
| Cộng | 39,176,892,341 | 63,021,506,536 |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | - | 290,627,857 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 12,810,459,026 | 8,505,184,245 |
| Cộng | 12,810,459,026 | 8,795,812,102 |

- Cho Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 11,5%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 4.705.184.245 đ.

- Cho Công ty CP Sách Dân Tộc vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 2.000.000.000 đ.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08052013/MSB-SACHGD ngày 08/05/2013 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở Giao dịch với lãi suất 7%/năm số tiền là 4.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02.07102013/MSB-SACHGD ngày 07/10/2013 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở Giao dịch với lãi suất 7%/năm số tiền là 10.000.000.000 đồng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương Đông Anh, Hà Nội | - | - |
| Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung Tâm XBản- P/hành SGK | 2,240,500,000 | 1,915,500,000 |
| Phải thu lãi cho vay, các khoản đầu tư | 200,000,000 | 200,000,000 |
| Phải thu tiền đã bán cổ phiếu quỹ chờ về TK | 815,515,888 | 1,232,575,570 |
| Phải thu khác | 949,477,240 | 949,477,240 |
| | 164,055,827 | 191,778,442 |
| Cộng | 3,420,071,715 | 4,489,331,252 |

6 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 173,451,850 | 13,717,680,570 |
| Công cụ, dụng cụ | - | - |
| Vật tư giao in gia công | 15,872,987,391 | 7,291,513,439 |
| Thành phẩm | 13,590,439,291 | 13,088,456,550 |
| Hàng hóa | 3,298,326,837 | 5,353,549,527 |
| Hàng gửi đi bán | 2,184,167,914 | 1,608,185,362 |
| Hàng hóa kho bảo thuế | - | - |
| Hàng hóa bất động sản | - | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (2,213,507,891) | (2,640,436,055) |
| Cộng | 32,905,865,392 | 38,418,949,393 |

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|----------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển | 853,965,735 | 781,732,308 |
| Chi phí trả trước khác | 29,650,000 | - |
| Cộng | 883,615,735 | 781,732,308 |

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 221,282,649 | 509,879,200 |
| Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1,293,843,003 | 813,826,847 |
| Cộng | 1,515,125,652 | 1,323,706,047 |

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ QL | Cộng |
|--------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|------|
|--------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|------|

| | | | | | |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | 62,632,856 | 2,324,544,145 | 554,123,983 | 2,941,300,984 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - | 91,872,364 | 91,872,364 |
| Số giảm trong kỳ | - | 62,632,856 | - | 106,007,581 | 168,640,437 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | 2,324,544,145 | 539,988,766 | 2,864,532,911 |
| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ QL | Cộng |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | 36,372,609 | 1,739,544,593 | 471,269,746 | 2,247,186,948 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | 308,111,208 | 21,708,079 | 329,819,287 |
| - <i>Khấu hao trong kỳ</i> | - | - | 308,111,208 | 21,708,079 | 329,819,287 |
| - <i>Tăng khác</i> | | | | | - |
| Số giảm trong kỳ | - | 36,372,609 | | 207,887,243 | 244,259,852 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | 2,047,655,801 | 285,090,582 | 2,332,746,383 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | 26,260,247 | 584,999,552 | 82,854,237 | 694,114,036 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - | 276,888,344 | 254,898,184 | 531,786,528 |

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

| | | | | | |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------|
| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, bằng sáng chế | Nhãn hiệu hàng hóa | Phần mềm máy tính | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | | - | - | 101,800,000 | 101,800,000 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - | 101,800,000 | 101,800,000 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | | | - | 70,124,996 | 70,124,996 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - | - | - |
| - <i>Khấu hao trong kỳ</i> | | - | - | | - |
| - <i>Tăng khác</i> | | | | | - |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - | 70,124,996 | 70,124,996 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | - | 70,124,996 | - |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | - | - | 31,675,004 | 31,675,004 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - | - | 31,675,004 | - |

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|---------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư cổ phiếu dài hạn | 930,000,000 | 750,000,000 |
| - Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 750,000,000 | 750,000,000 |
| - Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng | 180,000,000 | |
| Đầu tư dài hạn khác (2) | 14,401,000,000 | |
| Cộng | 15,331,000,000 | 750,000,000 |

- (2) Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2013 ngày 08/05/2013 để kinh doanh với lợi tức đầu tư là 6%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2013 là 14.401.000.000 đ.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bản thảo | 3,064,609,932 | 4,030,051,121 |
| Chi phí thuê kho | 3,596,590,910 | 4,005,681,818 |
| Chi phí thuê các CH | 143,818,183 | |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo | 555,926,156 | |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 449,516,743 | - |
| Cộng | 7,810,461,924 | 8,035,732,939 |

13 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 489,027,795 | 558,888,909 |
| Số tăng trong năm | - | - |
| Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm | (489,027,795) | (69,861,114) |
| Cộng | - | 489,027,795 |

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 108,997,195 | 147,286,113 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 329,973,631 | 201,252,249 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 210,581,224 | 152,212,613 |
| Cộng | 649,552,050 | 500,750,975 |

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới | 503,854,598 | 1,613,047,228 |
| Chi phí bản thảo và phí phát hành | 365,834,800 | 139,857,582 |
| Chi phí phải trả sách liên kết | - | - |
| Chi phí phải trả khác | 546,908,587 | 115,572,266 |
| Cộng | 1,416,597,985 | 1,868,477,076 |

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|----------------------|------------|------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 85,537,387 | 88,579,611 |
| Bảo hiểm xã hội | 55,846,763 | 10,603,009 |
| Bảo hiểm y tế | 10,517,891 | 1,432,881 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 5,925,109 | 1,754,510 |

| | | |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Cổ tức chưa chia | 36,479,600 | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 147,256,934 | 143,177,626 |
| Cộng | 341,563,684 | 245,547,637 |

18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 1/1/2013 |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ký quỹ của các đại lý | 46,000,000 | 46,000,000 |
| Cộng | 46,000,000 | 46,000,000 |

Đơn vị tính: VND

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 | Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 |
|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 28,989,269,957 | 39,017,526,456 |
| Cộng | 28,989,269,957 | 39,017,526,456 |

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 | Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 23,643,713,368 | 34,757,067,335 |
| Cộng | 23,643,713,368 | 34,757,067,335 |

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 | Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 |
|-----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1,792,341,729 | 2,594,210,583 |
| Lãi đầu tư cổ phiếu | | |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | |
| Cộng | 1,792,341,729 | 2,594,210,583 |

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 | Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 |
|------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | - | - |
| Chi phí tài chính khác | 27,819,000 | 1,085,185,354 |
| Cộng | 27,819,000 | 1,085,185,354 |

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 | Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012 |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 666,161,176 | (127,698,623) |

Thuế TNDN hiện hành

328,930,862

154,240,222

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong 3 tháng quý 3 năm 2013, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Kỳ hoạt động từ 01/10/2013 đến 31/12/2013</i> | <i>Kỳ hoạt động từ 01/10/2012 đến 31/12/2012</i> |
|------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Góp vốn vào Công ty | | | |
| - Công ty CP ĐT & PT Trường PT Công nghệ Giáo dục | Công ty con | 1,100,000,000 | 1,100,000,000 |
| Doanh thu bán hàng | | | |
| - Công ty CP ĐT & PT Trường PT Công nghệ Giáo dục | Công ty con | - | - |

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải